

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST

Ngày 10-01-2023

"Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA PA, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Thanh Hồng.

2. Bà Võ Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quán Thu Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thanh Tâm -Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2022/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 10 năm 2022, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXX-ST, ngày 13 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Hoàng Thị N**, sinh năm 1993.

Địa chỉ đăng ký HKTT: Thôn 4, xã P, huyện I, tỉnh G.

Chỗ ở hiện tại: Thôn Đ, xã C, huyện H, tỉnh C.

2. *Bị đơn:* Anh **Dương Văn K**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn 4, xã P, huyện I, tỉnh G.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 30/9/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Thị N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị N và anh Dương Văn K chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 19/7/2019 tại UBND xã P, huyện I, tỉnh G trên cơ

sở tự nguyện. Trước khi kết hôn với anh K, chị N có tìm hiểu và biết anh K đã có vợ, con nhưng đã ly hôn. Sau khi kết hôn, lúc đầu vợ chồng cũng hạnh phúc nhưng càng về sau thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm và lối sống, vợ chồng không có sự thương yêu, chia sẻ và tôn trọng lẫn nhau, nhiều lần anh K dùng dao đuổi đánh làm cho chị N lo sợ không dám về nhà và bị trầm cảm. Do mâu thuẫn vợ chồng nên vào tháng 02 năm 2020, sau khi sinh con được khoảng 03 tháng tuổi thì chị N đưa con về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Đ, xã C, huyện H, tỉnh C trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, đến nay đã gần 03 năm, cũng từ thời điểm đó vợ chồng sống ly thân, trong thời gian sống ly thân anh K không hề thăm nom, chu cấp tiền để nuôi con. Trước thời điểm chị N nộp đơn xin ly hôn khoảng 03 tháng thì anh K có về Cao Bằng nói chuyện, xin lỗi, chị N nghĩ anh K đã thay đổi nên đồng ý đưa con về chung sống với gia đình anh K tại thôn 4, xã P, huyện I nhưng sau đó vợ chồng vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, anh K vẫn tính nạt tạt đó, không thay đổi. Chị N đã tìm nhiều giải pháp để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành, nguyên nhân là do anh K không có thiện chí, không hợp tác, không nói chuyện với chị N. Nay chị N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Dương Văn K.

- Về con chung: Chị N và anh K có 01 con chung tên Dương Hoàng Trúc D, sinh ngày 10/12/2019. Sau khi ly hôn chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: Trước đây chị N có yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án chị N thay đổi ý kiến, không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/11/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Dương Văn K trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh K đồng ý với lời trình bày của chị Hoàng Thị N về thời gian chung sống, năm kết hôn, cơ sở của việc kết hôn và con chung. Trong cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc mà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm vì không hợp nhau. Hiện vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa nên chị N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh K cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh K xác nhận vợ chồng có 01 con chung tên Dương Hoàng Trúc D, sinh ngày 10/12/2019 như chị N trình bày là đúng. Sau khi ly hôn anh K cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh K cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 24/11/2022 và tại phiên tòa sơ thẩm chị Hoàng Thị N và anh Dương Văn K thống nhất thuận tình ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết

về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản. Tuy nhiên, chị N và anh K không thỏa thuận được với nhau về việc nuôi dưỡng con chung tên Dương Hoàng Trúc D, sinh ngày 10/12/2019. Sau khi ly hôn cả chị N và anh K đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Do đó Tòa án nhân dân huyện Ia Pa quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã chấp hành và thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 212, 213, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữ chị Hoàng Thị N và anh Dương Văn K.

Về con chung: Giao con chung tên Dương Hoàng Trúc D, sinh ngày 10/12/2019 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị N và anh K đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do các đương sự đã thỏa thuận tự nguyện ly hôn nên các đương sự chỉ phải chịu 50% mức án phí quy định đối với yêu cầu xin ly hôn (mỗi bên phải chịu 25% mức án phí quy định).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Hoàng Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn anh Dương Văn K có địa chỉ tại: Thôn 4, xã P, huyện I, tỉnh G. Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị N và anh Dương Văn K xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 82 ngày 19/7/2019 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện I, theo quy tại khoản 1,

khoản 5 Điều 3 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình thì *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*. Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cũng quy định, Tòa án chỉ giải quyết cho ly hôn nếu *“...có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*.

Hội đồng xét xử nhận thấy, quá trình sống chung giữa chị Hoàng Thị N và anh Dương Văn K đã nảy sinh mâu thuẫn làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng được chị N và anh K thừa nhận là do bất đồng quan điểm và lối sống không hợp nhau nên chị N có yêu cầu ly hôn, anh K cũng đồng ý ly hôn. Tại Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn gia đình ngày 22/11/2022 tại địa phương cũng thể hiện: *“Trong thời gian qua chính quyền địa phương có nghe vợ chồng chị N, anh K xảy ra mâu thuẫn nên chị N làm đơn xin ly hôn, tuy nhiên cụ thể nguyên nhân mâu thuẫn thế nào, do ai thì không biết vì không ai báo cáo, nhờ can thiệp, hòa giải”*. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần mở phiên hòa giải để động viên, khuyên bảo vợ chồng chị N, anh K bỏ qua mâu thuẫn về đoàn tụ gia đình nhưng không thành. Tại biên bản hòa giải ngày 24/11/2022 và tại phiên tòa hôm nay chị Hoàng Thị N và anh Dương Văn K đều thuận tình ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng chị N và anh K là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa chị N và anh K thuận tình ly hôn, xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình để công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị N và anh Dương Văn K.

[2.2] Về con chung: Chị Hoàng Thị N và anh Dương Văn K xác nhận vợ chồng có 01 con chung tên Dương Hoàng Trúc D, sinh ngày 10/12/2019 hiện đang sống với anh K tại thôn 4, xã P, huyện I, tỉnh G. Sau khi ly hôn cả chị N và anh K đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình quy định *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”* và *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*. Xét nguyện vọng được nuôi con chung của chị N và anh K, Hội đồng xét xử nhận thấy: Cha, mẹ đều có quyền bình đẳng trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tuy nhiên, việc quyết

định giao con cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng thì phải căn cứ vào quy định của pháp luật và quyền lợi về mọi mặt của con trên cơ sở xem xét đến điều kiện, hoàn cảnh thực tế của mỗi bên để quyết định. Đối với cháu Dương Hoàng Trúc D, sinh ngày 10/12/2019 tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10/01/2023) thì cháu D đã được 03 năm 01 tháng tuổi. Từ khi được sinh ra cho đến nay cháu D chủ yếu sống với mẹ là chị N (thời gian gần 03 năm), cháu chỉ mới về sống với anh K khoảng 01 tháng trở lại đây, bởi vì sau khi sinh cháu D được 03 tháng tuổi thì vợ chồng chị N, anh K nảy sinh mâu thuẫn nên chị N đã mang con về nhà bố mẹ đẻ ở xã C, huyện H, tỉnh C sinh sống, trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh K không thăm nom, chu cấp tiền nuôi con. Trong thời gian sống ly thân, cháu D sống với chị N, mặc dù không được anh K thăm nom, chu cấp tiền nuôi con nhưng cháu D vẫn được chị N trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và đảm bảo phát triển khỏe mạnh, bình thường. Khoảng 03 tháng trước khi nộp đơn xin ly hôn, do tin tưởng anh K đã thay đổi tính nết nên chị N đồng ý đưa con về sống chung với gia đình anh K tại Thôn 4, xã P, huyện I, tỉnh G đến nay. Xét về tổng thể các điều kiện, hoàn cảnh để đảm bảo nuôi con thì HĐXX xét thấy chị N có điều kiện tốt hơn anh K, cụ thể: Hiện chị N đang có tài sản riêng để đảm bảo nuôi con (số tiền trong tài khoản cá nhân là 198.920.500 đồng), chị N có nghề nghiệp buôn bán, kinh doanh các mặt hàng nông sản có thu nhập ổn định, bản thân chị N đã tốt nghiệp Đại học sư phạm giáo dục mầm non, đã từng đi dạy học nên có kỹ năng nhất định trong việc giáo dục, chăm sóc con nhỏ. Mặt khác gia đình chị N có điều kiện kinh tế thuộc diện khá giả, có mẹ đẻ và anh trai ruột làm cán bộ, công chức nhà nước; trong thời gian sống ly thân và nuôi dưỡng con chung được chính quyền địa phương xác nhận đảm bảo các điều kiện nuôi con tốt, dạy con ngoan, không có hành đánh đập hắt hủi con. Về phía anh K hiện chỉ làm nghề tự do và chủ yếu phụ giúp gia đình làm nông, hiện đang sống chung với gia đình, không có tài sản gì riêng, tại phiên tòa anh K thừa nhận đã 02 lần đánh vợ nên có xu hướng bạo lực gia đình; trước khi cưới chị N thì anh K đã có vợ nhưng đã ly hôn và có 01 con riêng nên cũng phải có trách nhiệm đối với con. Anh K có nguyện vọng nuôi con nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh có điều kiện tốt hơn chị N. Mặt khác, hiện cháu D tuy đã trên 36 tháng tuổi nhưng vẫn còn rất nhỏ, đồng thời cháu lại là con gái nên trong cuộc sống hàng ngày cháu cần sự thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và chỉ bảo của người mẹ nhiều hơn. Trong quá trình giải quyết vụ án chị N cũng cam kết đảm bảo đầy đủ các điều kiện tốt nhất để nuôi con, không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con, đồng thời cam kết sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho anh K được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật.

Do đó để bảo đảm cho sự phát triển bình thường và quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận nguyện vọng được nuôi con của chị Hoàng Thị N, giao cháu Dương Hoàng Trúc D cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Hoàng Thị N không yêu cầu anh Dương Văn K phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Hoàng Thị N và anh Dương Văn K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[3] Về án phí: Do các đương sự đã thỏa thuận tự nguyện ly hôn nên các đương sự chỉ phải chịu 50% mức án phí quy định đối với yêu cầu xin ly hôn (mỗi bên phải chịu 25% mức án phí quy định). Án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng, chị Hoàng Thị N tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0000568, ngày 19/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai. Hoàn trả lại cho chị N số tiền tạm ứng án phí chênh lệch là 150.000 đồng.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Pa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 96, khoản 4 Điều 147; Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 19, Điều 21, Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị N và anh Dương Văn K.

2. Về con chung: Giao con chung tên Dương Hoàng Trúc D, sinh ngày 10/12/2019 cho chị Hoàng Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự; không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Hoàng Thị N không yêu cầu anh Dương Văn K phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Anh Dương Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

4. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Hoàng Thị N và anh Dương Văn K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do các đương sự đã thỏa thuận tự nguyện ly hôn nên các đương sự chỉ phải chịu 50% mức án phí quy định đối với yêu cầu xin ly hôn (mỗi bên phải chịu 25% mức án phí quy định). Án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng, chị Hoàng Thị N tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0000568, ngày 19/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai. Hoàn trả lại cho chị N số tiền tạm ứng án phí chênh lệch là 150.000 đồng.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Ia Pa;
- Các đương sự ;
- Chi cục THADS huyện Ia Pa;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu HS/VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Thắng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thị Thanh Hồng

Võ Thị Thu Thủy

Lê Văn Thắng

